| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 124/2026/DS-PT
Ngày 03 - 02 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Lực

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thế Hồng

Bà Đặng Thị Ánh Bình

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Đức Hoài Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 724/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 815/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Phùng Văn S, sinh năm 1961; cư trú số 125A, ấp A, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; cư trú số 764, ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Anh Lê Hữu T1, sinh năm 1984; cư trú số 518B, khu phố P, phường A, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2024 (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Phan Cao T2, sinh năm 1989 (có mặt);

2. Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1991 (có mặt);

Cùng cư trú số 250/1, khu phố H, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Anh Phan Cao T2 và chị Trần Thị Bích N là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/03/2024 của nguyên đơn ông Phùng Văn S, ông Nguyễn Văn T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên trình bày:*

Vào ngày 23/12/2020, ông Phùng Văn S S và ông Nguyễn Văn T cho vợ chồng anh Phan Cao T2 và chị Trần Thị Bích N vay số tiền 1.200.000.000 đồng (trong đó: ông S cho vay 1.100.000.000 đồng, ông T cho vay 100.000.000 đồng), lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để vợ chồng anh T2, chị N có vốn làm ăn. Để đảm bảo cho việc trả nợ, anh T2 và chị N lập Hợp đồng chuyển nhượng cho ông S và ông T 02 thửa đất: thửa số 424, diện tích 200m$^2$, mục đích sử dụng đất trồng lúa nước và thửa số 1314, diện tích 600,6m$^2$, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, cùng tọa lạc xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long). Hợp đồng được Công chứng tại Văn phòng C.

Ngày 12/3/2021, ông S và ông T tiếp tục cho anh T2 và chị N vay thêm số tiền 400.000.000 đồng (trong đó: ông S cho vay 300.000.000 đồng, ông T cho vay 100.000.000 đồng) cũng với lãi suất 3%/tháng, hai bên thống nhất lập hợp đồng vay tiền với nội dung anh T2 vay của ông S và ông T số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, tài sản đảm bảo là 02 thửa đất nêu trên, không ghi lãi suất. Sau khi vay tiền anh T2 và chị N trả lãi được một tháng theo thỏa thuận, nợ gốc không thanh toán. Nay ông S và ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Công chứng tại tại Văn phòng C ngày 23/12/2020 theo số Công chứng 2778, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu do giả cách.

- Buộc anh T2 và chị N liên đới trả cho ông S và ông T tổng số tiền 1.600.000.000 đồng (trong đó: trả cho ông S 1.400.000.000 đồng, trả cho ông T 200.000.000 đồng) và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 12/4/2021 đến ngày 12/7/2025 bằng 51 tháng, tổng tiền lãi là 1.360.000.000 đồng (trong đó: phần lãi của ông S 1.190.000.000 đồng, phần lãi của ông T 170.000.000 đồng). Tổng số tiền ông S và ông T yêu cầu anh T2 và chị N phải liên đới trả là 2.960.000.000 đồng, trong đó trả cho ông S 2.590.000.000 đồng, trả cho ông T 370.000.000 đồng.

** Bị đơn anh Cao Văn T3 và chị Trần Thị Bích N trình bày:*

Ngày 23/12/2020, vợ chồng anh chị có vay của S và ông T số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Để làm tin, anh chị có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông S và ông T thửa đất số 424, diện tích 200m$^2$ và thửa đất số 1314, diện tích 600,6m$^2$, cùng tọa lạc xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Hợp đồng được công chứng ngày 23/12/2020 tại Văn phòng C.

Sau khi kí hợp đồng chuyển nhượng đất, ông S và ông T đã giao cho anh chị số tiền 400.000.000 đồng, anh chị đã trả lãi cho ông S và ông T đầy đủ với số tiền là khoảng 35.000.000 đồng. Sau đó, do cần vốn làm ăn nên anh T3 có gọi

điện thoại hỏi mượn thêm ông S số tiền 1.200.000.000 đồng. Ngày 12/3/2021, ông S hẹn anh T3 ra quán cà phê Window B ở phường A, thành phố B để nói chuyện. Do nghĩ ông S sẽ cho vay thêm số tiền 1.200.000.000 đồng, nên anh T3 đi cùng anh Võ Dương T4 (sinh năm 1994, cư trú số 132E, ấp A, xã M, thành phố B). Tại đây, ông S cho anh T3 biết việc anh T3 vay thêm tiền cần phải hỏi ý kiến ông T, vì ông S và ông T cùng hùn vốn cho vay. Do trước đó anh chị đã vay của ông S và ông T 400.000.000 đồng, nên ông S yêu cầu anh T3 nếu muốn vay thêm 1.200.000.000 đồng thì phải viết giấy với nội dung vay của ông S và ông T số tiền là 1.600.000.000 đồng (có cộng số tiền 400.000.000 đồng đã vay trước đó), ông S sẽ cầm giấy vay tiền này về đưa cho ông T xem, nếu ông T đồng ý cho vay tiền thì ông S sẽ liên hệ với anh T3 để đến lấy tiền. Việc anh T3 viết giấy vay tiền nhưng không có nhận tiền có sự chứng kiến của anh Võ Dương T4.

Sau đó vài ngày anh T3 có liên lạc với ông S thì được ông S trả lời không cho vay với lý do giá trị 02 thửa đất thấp. Nay anh chị đồng ý liên đới thanh toán cho ông S và ông T số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm, không đồng ý trả số tiền 1.200.000.000 đồng, thống nhất đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Công chứng tại Văn phòng C ngày 23/12/2020 là vô hiệu do giả cách.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn S và ông Nguyễn Văn T.

Buộc anh Phan Cao T2 và chị Trần Thị Bích N phải liên đới trả cho ông Phùng Văn S số tiền nợ gốc là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi 1.190.000.000 đồng, tổng cộng là 2.590.000.000 đồng. Buộc anh Phan Cao T2 và chị Trần Thị Bích N phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 170.000.000 đồng, tổng cộng là 370.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh T2 và chị N phải liên đới thanh toán cho ông Phùng Văn S và ông Nguyễn Văn T là 2.960.000.000 đồng.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 424, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 1314, tờ bản đồ số 14, cùng tọa lạc tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) được công chứng tại Văn phòng C ngày 23/12/2020 theo số công chứng 2778, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên chuyển nhượng anh Phan Cao T2, chị Trần Thị Bích N và bên nhận chuyển nhượng ông Phùng Văn S, ông Nguyễn Văn T là vô hiệu do giả tạo.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/08/2025, bị đơn anh Phan Cao T2 và chị Trần Thị Bích N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa 01 phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn S và Nguyễn Văn T, anh chị

đồng ý thanh toán cho ông Phùng Văn S và ông Nguyễn Văn T số tiền vay 400.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Qua phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên cho rằng án sơ thẩm xử buộc anh T2 và chị N trả cho ông S và ông T số tiền vay 1.600.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T2 và chị N, giữ nguyên án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án đúng bản chất của vụ kiện, đưa người tham gia tố tụng đầy đủ. Đơn kháng cáo của anh Phan Cao T2 và chị Trần Thị Bích N còn trong hạn luật định là hợp lệ, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bút lục 20-22) được xác lập giữa bên chuyển nhượng anh Cao Văn T3 và chị Trần Thị Ngọc B với bên nhận chuyển nhượng ông Phùng Văn S và ông Nguyễn Văn T, được công chứng ngày 23/12/2020 tại Văn phòng C. Văn bản này được các bên đương sự thừa nhận là hợp đồng giả tạo nhằm che đậy hợp đồng vay tiền, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào yêu cầu của đương sự tuyên bố vô hiệu là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của anh Phan Cao T2 và chị Trần Thị Bích N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Tại Hợp đồng vay tiền ngày 12/3/2021 (bút lục 46) có nội dung: *"Hôm nay ngày 12 tháng 02 năm 2021. Tôi Phan Văn T5 sinh năm 1989 CMND ... Nay tôi có vay của ông Phùng Văn S sn 1961 CMND 320012070 và ông Nguyễn Văn T sn 1966 CMND 320633649 số tiền là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) thời hạn 03 tháng. Tôi có thế chấp lại 02 Quyền sử dụng đất có thửa đất 424 và 1314 tờ bản đồ số 14 địa chỉ xã S, TP B".* Hợp đồng này anh T5 thừa nhận do anh viết và ký tên.

[5] Tại bản tường trình (bút lục 58), anh Võ Dương T4 khẳng định vào ngày 12/03/2021 anh có đi cùng với anh T5 đến quán C1 ở phường A, thành phố B để gặp ông Phùng Văn S. Tại đây anh có cùng ngồi uống cá phê và nói chuyên với ông S. Anh nghe ông S và anh T5 nói chuyện việc anh T5 hỏi mượn thêm ông S số tiền 1.200.000.000 đồng, ông S không cho anh T5 vay tiền mà yêu cầu anh T5 viết giấy vay số tiền 1.600.000.000 đồng với mục đích là để ông S mang về cho ông T xem vì số tiền lớn, anh khẳng định không có việc ông S giao tiền cho anh T5.

[6] Xét lời trình bày như trên của anh Võ Dương T4 là không có cơ sở đáng tin. Bởi vì khi viết Hợp đồng vay tiền ngày 12/3/2021 là do anh S tự nguyện, từ ngày 12/3/2021 đến ngày 01/03/2024 (ngày ông S và ông T khởi kiện) là khoảng thời

gian dài anh S không có phản ứng hay khiếu nại gì về Hợp đồng vay tiền do mình viết. Lời khai của anh Võ Dương T4 mặt dù phù hợp với lời khai của anh Phan Văn T5, nhưng không đủ căn cứ để phủ nhận Hợp đồng vay tiền ngày 12/3/2021. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng bản chất vụ án, xác định chứng cứ mang tính khách quan. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh T5, chị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 124, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Cao T2 và chị Trần Thị Bích N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

**Tuyên xử:**

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn S và ông Nguyễn Văn T.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 424, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 1314, tờ bản đồ số 14, cùng tọa lạc tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) được công chứng tại Văn phòng C ngày 23/12/2020 theo số công chứng 2778, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên chuyển nhượng là anh Phan Cao T2, chị Trần Thị Bích N và bên nhận chuyển nhượng là ông Phùng Văn S, ông Nguyễn Văn T là vô hiệu do giả tạo.

- Buộc anh Phan Cao T2 và chị Trần Thị Bích N phải liên đới trả cho ông Phùng Văn S số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng và tiền lãi 1.190.000.000 đồng, tổng cộng là 2.590.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng). Buộc anh Phan Cao T2 và chị Trần Thị Bích N phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 170.000.000 đồng, tổng cộng là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng).

**2.** Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Phan Cao T2 và chị Trần Thị Bích N mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng mà anh T2 và chị N đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0001738, 0001739 cùng ngày 11/8/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Vĩnh Long được khấu trừ vào số tiền mà anh T2 và chị N phải chịu. Anh T2 và chị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng GĐKT,TT&THA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Trần Văn Lực**